

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13364 /BTC-HCSN
V/v Xin ý kiến thẩm định dự
thảo Nghị quyết của Ủy ban
TVQH về chi tổ chức và hoạt
động BHXH, BHTN năm 2025

Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2024

Kính gửi: Bộ Tư pháp.

Thực hiện Nghị quyết số 09/2021/UBTVQH15 ngày 08/12/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về chi phí quản lý bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) giai đoạn 2022-2024; Quyết định số 19/2022/QĐ-TTg ngày 22/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ về chi phí quản lý BHXH, BHTN, bảo hiểm y tế (BHYT) giai đoạn 2022-2024;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Thành Long tại công văn số 5786/VPCP-KTTH ngày 15/8/2024 của Văn phòng Chính phủ về việc báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 09/2021/UBTVQH15 về chi phí quản lý BHXH, BHTN giai đoạn 2022-2024 theo đề nghị của Ủy ban Xã hội của Quốc hội tại công văn số 2759/UBXH15 ngày 31/7/2024;

Bộ Tài chính đã phối hợp với BHXH Việt Nam và các cơ quan xây dựng Báo cáo số 342 /BC-BTC ngày 06 /12/2024 trình Chính phủ và dự thảo Tờ trình của Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT giai đoạn 2022-2024 và đề xuất mức chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT giai đoạn 2025-2027, đồng thời dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN năm 2025 (đính kèm).

Căn cứ quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn;

Bộ Tài chính đề nghị Bộ Tư pháp có ý kiến thẩm định đối với Tờ trình Chính phủ, dự thảo Tờ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Nghị quyết (*hồ sơ liên quan kèm theo*), gửi Bộ Tài chính trước ngày 09/12/2024 để hoàn thiện trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp công tác của Quý Bộ./. y

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó TTCP Hồ Đức Phớc (để báo cáo);
- Ủy ban Xã hội của Quốc hội;
- VPCP;
- BHXH Việt Nam;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, HCSN (6 bản). Tây

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Nguyễn Đức Chi**

Số: /TTr-CP

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2024

TỜ TRÌNH

Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế giai đoạn 2022-2024 và đề xuất mức chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế giai đoạn 2025-2027

Kính gửi: Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ quy định của Luật Bảo hiểm xã hội (BHXH) số 58/2014/QH13, Luật BHXH số 41/2024/QH15, Chính phủ dự thảo báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chi phí quản lý BHXH, bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm y tế (BHYT) giai đoạn 2022-2024 và đề xuất mức chi tổ chức và hoạt động¹ BHXH, BHTN, BHYT giai đoạn 2025-2027; Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội như sau:

I. Tóm tắt tình hình và kết quả thực hiện giai đoạn 2022-2024**1. Căn cứ pháp lý**

- Điều 11 và Khoản 2 Điều 90 Luật BHXH số 58/2014/QH13²; điểm e Khoản 3 Điều 57 Luật Việc làm³; khoản 7 Điều 42 Luật An toàn, vệ sinh lao động⁴; Điều 35 Luật Bảo hiểm y tế (BHYT) và Luật sửa đổi, bổ sung Luật BHYT⁵.

- Nghị quyết số 09/2021/UBTVQH15 ngày 08/12/2021 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về chi phí quản lý BHXH, BHTN giai đoạn 2022-2024 (Nghị quyết số 09/2021/UBTVQH15), Quyết định số 19/2022/QĐ-TTg ngày 22/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ về chi phí quản lý BHXH, BHTN, bảo hiểm y tế (BHYT) giai đoạn 2022-2024 (Quyết định số 19/2022/QĐ-TTg):

¹ Luật BHXH số 58/2014/QH13, Luật Việc làm số 38/2013/QH13, Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 quy định là "chi phí quản lý"; Luật BHXH số 41/2024/QH15 (có hiệu lực thi hành từ 01/7/2025) quy định là "chi tổ chức và hoạt động". Do vậy, trong Báo cáo này sử dụng thuật ngữ "chi tổ chức và hoạt động" cho giai đoạn 2025-2027.

² Khoản 2 Điều 90 Luật BHXH năm 2014: Định kỳ 03 năm, Chính phủ báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định về mức chi phí quản lý BHXH.

³ Điểm e Khoản 3 Điều 57 Luật Việc làm: Chi phí quản lý BHTN thực hiện theo quy định của Luật BHXH.

⁴ Khoản 7 Điều 42 Luật An toàn, vệ sinh lao động: Chi phí quản lý bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thực hiện theo quy định của Luật BHXH

⁵ Khoản 1 Điều 35 Luật BHYT quy định 10% số tiền đóng BHYT dành cho quỹ dự phòng, chi phí quản lý quỹ BHYT, trong đó dành tối thiểu 5% số tiền đóng BHYT cho quỹ dự phòng và Khoản 5 giao Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.

2. Kết quả thực hiện chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT⁶

a) Giai đoạn 2022-2024, tổng chi phí quản lý được trích theo tỷ lệ quy định do BHXH Việt Nam tính toán là 41.552.544 triệu đồng⁷.

Tổng chi phí quản lý quy định tại Báo cáo số 62/BC-CP ngày 01/12/2021 của Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tình hình thực hiện chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT giai đoạn 2019-2021 và đề xuất mức chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT giai đoạn 2022-2024 (Báo cáo số 62/BC-CP) là 38.999.073 triệu đồng⁸;

Số chi phí quản lý được giao dự toán⁹ là 39.163.700 triệu đồng.

Số chi phí quản lý ước thực hiện theo báo cáo của BHXH Việt Nam¹⁰ là 37.730.425 triệu đồng, giảm 1.268.648 triệu đồng (3,25%) so với Báo cáo số 62/BC-CP, giảm 1.433.275 triệu đồng (3,66%) so với dự toán được giao. Nội dung chi cụ thể như sau:

(1). Chi nhiệm vụ chuyên môn (tổ chức thu, chi, phát triển và quản lý đối tượng): 21.144.772 triệu đồng, chiếm 56,04% tổng chi phí quản lý; tăng 286.748 triệu đồng (1,37%) so Báo cáo số 62/BC-CP; giảm 555.007 triệu đồng (2,56%) so với dự toán được giao.

(2). Chi hoạt động bộ máy: 13.877.736 triệu đồng, chiếm 36,78% tổng chi phí quản lý; tăng 175.687 triệu đồng (1,28%) so với Báo cáo số 62/BC-CP; giảm 137,815 triệu đồng (0,98%) so với dự toán được giao.

Chi tiết các nội dung chi phí quản lý theo Phụ lục I - kèm theo.

b) Việc bố trí dự toán chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT giai đoạn 2022-2024 đảm bảo quy định tại Nghị quyết số 09/2021/UBTVQH15 và Quyết định số 19/2022/QĐ-TTg; Dự toán chi phí quản lý được Thủ tướng Chính phủ giao hàng năm đều thấp hơn mức quy định tại Nghị quyết số 09/2021/UBTVQH15 và Quyết định số 19/2022/QĐ-TTg, theo đó mức chi phí quản lý BHXH, BHTN giảm bình quân 0,06%/năm; mức chi phí quản lý BHYT giảm bình quân 0,13%/năm so với mức được trích theo quy định; cụ thể:

⁶ Trong đó chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT năm 2024 theo Quyết định số 928/QĐ-TTg ngày 30/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ (13.637,454 triệu đồng) cộng với số BHXH Việt Nam dự kiến điều chỉnh tăng (268.350 triệu đồng) tại Công văn số 3020/BHXH-TCKT ngày 06/9/2024, Biểu số 01 Công văn số 3379/BHXH-KHĐT ngày 27/9/2024 do tăng mức lương cơ sở, lương tối thiểu, lương hưu, trợ cấp BHXH theo các Nghị định số 73/2024/NĐ-CP, Nghị định số 74/2024/NĐ-CP, Nghị định số 75/2024/NĐ-CP.

⁷ Biểu số 06 kèm theo Báo cáo số 2716/BC-BHXH ngày 14/8/2024 của BHXH Việt Nam.

⁸ Phê duyệt tại Nghị quyết số 09/2021/UBTVQH15 ngày 08/12/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 19/2022/QĐ-TTg ngày 22/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ về chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT giai đoạn 2022-2024.

⁹ Quyết định số 583/QĐ-TTg ngày 13/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán thu, chi về BHXH, BHTN, BHYT và chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT năm 2022; Quyết định số 604/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi Quyết định số 583/QĐ-TTg ngày 13/5/2022; Quyết định số 807/QĐ-TTg ngày 06/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán thu, chi về BHXH, BHTN, BHYT và chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT năm 2023; Quyết định số 928/QĐ-TTg ngày 30/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán thu, chi về BHXH, BHTN, BHYT và chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT năm 2024.

¹⁰ Biểu số 03 kèm theo Báo cáo số 2716/BC-BHXH ngày 14/8/2024 (trong đó số liệu năm 2022 là số liệu quyết toán; Số liệu năm 2024 theo Biểu số 01 Công văn số 3379/BHXH-KHĐT ngày 27/9/2024); Phụ lục số 03 kèm Công văn số 4188/BHXH-TCKT ngày 15/11/2024 của BHXH Việt Nam.

S T T	Nội dung	Mức CPQL theo NQ 09/2021/UBTVQH15 và QĐ 19/2022/QĐ-TTg (%)			Mức CPQL được TTgCP giao (%)			So sánh mức CPQL được TTCP giao và mức CPQL theo quy định (%)		
		Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	CPQL BHXH (%)	1,59	1,54	1,49	1,57	1,45	1,41	-0,02	-0,09	-0,08
2	CPQL BHTN (%)	1,59	1,54	1,49	1,57	1,47	1,41	-0,02	-0,09	-0,08
3	CPQL BHYT (%)	3,55	3,50	3,45	3,5	3,38	3,22	-0,05	-0,12	-0,23

c) Mức chi phí quản lý thực hiện hàng năm giai đoạn 2022-2024 thấp hơn so với mức chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN được trích theo quy định. Theo đó, mức chi phí quản lý BHXH, BHTN giảm bình quân 0,14%/năm; mức chi phí quản lý BHYT giảm bình quân 0,32%/năm so với mức được trích theo quy định; cụ thể:

S T T	Nội dung	Mức CPQL theo NQ 09/2021/UBTVQH15 và QĐ 19/2022/QĐ-TTg (%)			Mức CPQL thực hiện thực tế (%)			So sánh mức CPQL thực tế và mức CPQL theo quy định (%)		
		Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	CPQL BHXH (%)	1,59	1,54	1,49	1,47	1,38	1,35	-0,13	-0,16	-0,14
2	CPQL BHTN (%)	1,59	1,54	1,49	1,44	1,41	1,35	-0,15	-0,14	-0,14
3	CPQL BHYT (%)	3,55	3,50	3,45	3,28	3,12	3,12	-0,27	-0,38	-0,33

3. Hiệu quả sử dụng chi tổ chức và hoạt động gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao của ngành BHXH Việt Nam

Với mức chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT được trích theo quy định tại Nghị quyết số 09/2021/UBTVQH15 và Quyết định số 19/2022/QĐ-TTg cùng việc bố trí hợp lý, sử dụng hiệu quả đã tạo động lực thúc đẩy phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN, chi trả các chế độ BHXH, BHTN, BHYT đầy đủ kịp thời, giúp ngành BHXH Việt Nam cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ chính trị được giao, cụ thể:

a) Về phát triển người tham gia

Dự kiến hết năm 2024, số người tham gia BHXH đạt 20 triệu người, bằng 42,7% lực lượng lao động trong độ tuổi (*trong đó BHXH tự nguyện là 2,3 triệu người, đạt 4,9%*); số người tham gia BHTN đạt 16 triệu người, bằng 34,2% lực lượng lao động trong độ tuổi; số người tham gia BHYT đạt 95,4 triệu người, đạt tỷ lệ bao phủ BHYT 94,1% dân số.

b) Về quản lý người hưởng

Dự kiến đến hết năm 2024, ngành BHXH chi trả chế độ lương hưu, trợ cấp BHXH và trợ cấp hàng tháng cho khoảng 3,4 triệu người hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng; 0,9 triệu người hưởng trợ cấp thất nghiệp; 9,4 triệu lượt người hưởng chế độ trợ cấp ốm đau, thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe và BHXH một lần; thanh toán chi phí KCB BHYT cho khoảng 186,2 triệu lượt người.

Số người nhận lương hưu, trợ cấp BHXH, trợ cấp thất nghiệp qua các phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt tại khu vực đô thị năm 2024 dự kiến đạt 74%, vượt 14% chỉ tiêu được giao tại Quyết định số 1813/QĐ-TTg. BHXH thực hiện chuyển dần việc chi trả các chế độ BHXH, BHTN từ tổ chức dịch vụ sang cơ quan BHXH trực tiếp chi trả; ưu tiên UDCNTT, thực hiện giao dịch điện tử, cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, đảm bảo chi trả chế độ BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ, kịp thời, nâng cao chất lượng phục vụ và mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp đối với cơ quan BHXH.

c) Về công tác thu, chi các quỹ

- Tổng số thu các chế độ giai đoạn 2022-2024 là 1.440 nghìn tỷ đồng, tăng bình quân 10%/năm. Số tiền chậm đóng đến hết năm 2023 là 13.356 tỷ đồng, chiếm 2,69% số phải thu, là tỷ lệ **thấp nhất** từ năm 2016 trở lại đây (giảm từ 6% năm 2016 xuống còn 2,69%).

- Tổng số chi trả các chế độ giai đoạn 2022-2024 là 1.375 nghìn tỷ đồng, bình quân tăng 11%/năm. Số chi tăng chủ yếu do Nhà nước điều chỉnh tăng lương cơ sở, lương hưu, trợ cấp BHXH, số lượt KCB BHYT tăng.

d) Về công tác đầu tư, bảo toàn và tăng trưởng quỹ

Hoạt động đầu tư tăng trưởng, sử dụng tiền sinh lời theo đúng quy định tại Luật BHXH, Luật Việc làm, Luật BHYT và Nghị định số 30/2016/NĐ-CP của Chính phủ, đảm bảo an toàn, minh bạch và hiệu quả.

Số dư nợ đầu tư năm 2021 đạt 983 nghìn tỷ đồng; dự kiến đến hết năm 2024 ước đạt 1.324 nghìn tỷ đồng, trong đó, tỷ trọng đầu tư vào trái phiếu Chính phủ (TPCP) chiếm khoảng 81%, giảm 5% so với tỷ trọng đầu tư vào TPCP giai đoạn 2019-2021.

Số tiền lãi hoạt động đầu tư quỹ giai đoạn 2022-2024 (trừ chi phí đầu tư tài chính) khoảng 146,2 nghìn tỷ đồng, tăng 4,9% so với giai đoạn 2019-2021. Lãi suất đầu tư bình quân khoảng 4%, cao hơn khoảng 1% so với chỉ số CPI (bình quân khoảng 3%/năm). Toàn bộ số tiền sinh lời thu được hàng năm được trích chi tổ chức và hoạt động BHXH, trích quỹ quản lý rủi ro hoạt động đầu tư và phân bổ vào các quỹ BHXH, BHYT, BHTN theo đúng quy định tại Nghị định số 30/2016/NĐ-CP.

đ) Về kết dư các quỹ

Tốc độ tăng trưởng bình quân số dư quỹ BHXH là 9%/năm, quỹ BHTN là 3%/năm, quỹ BHYT giảm 10%/năm. Tổng số dư các quỹ lũy kế đến cuối năm 2024 dự kiến khoảng 1.411,9 nghìn tỷ đồng, trong đó: Quỹ BHXH là 1.291,6 nghìn tỷ đồng, quỹ BHTN là 64,3 nghìn tỷ đồng, quỹ BHYT là 47,6 nghìn tỷ đồng, quỹ dự phòng rủi ro trong hoạt động đầu tư là 8,4 nghìn tỷ đồng.

e) Về tinh gọn bộ máy, cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp

Khối lượng công việc của ngành bảo hiểm giai đoạn 2022-2024 tăng nhanh hàng năm¹¹ cùng với sự gia tăng của đối tượng tham gia BHXH, BHYT,

¹¹ Bình quân 01 cán bộ thu phải quản lý 22 nghìn đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN/năm, tăng khoảng 2 nghìn đối tượng/năm (10%) so với giai đoạn 2019-2021; 01 cán bộ chính sách BHXH quản lý hồ sơ và giải quyết 7,7 nghìn hồ sơ/năm, tăng khoảng 0,5 nghìn hồ sơ/năm (7%) so với giai

BHTN¹², tăng quy mô số thu và số chi BHXH, BHYT, BHTN¹³.

BHXH Việt Nam thực hiện sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, giảm biên chế theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, Quyết định số 856/QĐ-TTg¹⁴ và thực hiện triệt để các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và cắt giảm, tiết kiệm chi phí quản lý¹⁵, thực hiện nhiệm vụ theo các Nghị quyết của Chính phủ và Quốc hội.

BHXH Việt Nam đẩy mạnh UDCNTT, quyết liệt thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ và toàn diện đã giúp giảm 90% các thủ tục hành chính luân chuyển hồ sơ trong nội ngành; giảm chi phí lưu trữ tài liệu, chi phí làm sổ BHXH, chi phí in ấn, photô tài liệu, biểu mẫu, thông báo, báo cáo, hội nghị, hội thảo, tập huấn, chi phí chi trả các chế độ BHXH, BHTN, làm tăng năng suất lao động; 100% cơ sở KCB BHYT trên toàn quốc đã triển khai KCB BHYT bằng CCCD gắn chip giúp rút ngắn thời gian, thủ tục KCB BHYT; từ ngày 01/6/2021 triển khai ứng dụng VssID - BHXH số thay cho thẻ BHYT bằng giấy, giúp giảm chi phí in/phát hành thẻ BHYT giấy.

BHXH Việt Nam đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính đảm bảo cung cấp các dịch vụ công trực tuyến (doanh nghiệp, người dân có thể giao dịch với cơ quan BHXH 24/7)¹⁶, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ và tăng mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp (phần đầu năm 2024 mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 88%).

5. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

a) Về cơ cấu chi phí quản lý theo các nhóm nhiệm vụ chi

Khoản 2 Điều 3 Quyết định số 19/2022/QĐ-TTg quy định *cơ cấu chi hoạt động bộ máy bình quân giai đoạn tối đa là 35,3% tổng chi tổ chức và hoạt động*; khoản 2 Điều 4 quy định *“Trong quá trình tổ chức thực hiện dự toán, BHXH Việt Nam và các cơ quan có liên quan thực hiện rà soát, tiết kiệm, cắt giảm những nhiệm vụ chi chưa thật sự cần thiết, đảm bảo triệt để tiết kiệm”*.

Hàng năm Thủ tướng Chính phủ giao dự toán chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN trong đó giao tổng số tiền và chi tiết 4 nội dung chi¹⁷; đồng thời trong quá trình tổ chức thực hiện BHXH Việt Nam và các cơ quan có liên quan

đoạn 2019-2021; 01 cán bộ giám định BHYT phải quản lý, giám định 101 nghìn hồ sơ/năm, tăng khoảng 21 nghìn hồ sơ/năm (27%) so với giai đoạn 2019-2021.

¹² Giai đoạn 2022-2024, số đối tượng tham gia BHXH, BHYT, BHTN tăng bình quân 2,7%/năm.

¹³ Giai đoạn 2022-2024, số thu tăng bình quân 10%/năm, số chi tăng 11%/năm.

¹⁴ Giảm 01 đơn vị sự nghiệp, giảm 06 đơn vị cấp phòng tại 02 đơn vị thuộc BHXH Việt Nam ở Trung ương; Giảm 119 đơn vị cấp phòng tại 63 BHXH tỉnh so với thời điểm 31/12/2021. Năm 2022 giảm 2.149 người so với biên chế Bộ Nội vụ giao năm 2021 (sau khi giảm 10% theo Quyết định số 856/QĐ-TTg là 2.168 biên chế); Năm 2024 tiếp tục giảm 519 người so với 2022-2023.

¹⁵ Tổng chi phí quản lý thực tế giai đoạn 2022-2024 cắt giảm, tiết kiệm so với số được trích theo tỷ lệ quy định là 3.822.119 triệu đồng – Mục I.2.d nêu trên.

¹⁶ 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Cổng Dịch vụ công của ngành, tích hợp trên Cổng dịch vụ công Quốc gia 81 DVC và 02 TTHC liên thông; giảm thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp còn 25 TTHC. Số lượng TTHC đã đơn giản hóa thông tin, tự động điền thông tin khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư vào biểu mẫu điện tử áp dụng đối với cá nhân: 07 DVC (đạt tỷ lệ 17,1% trên tổng số DVC); số TTHC đã có thể khai thác dữ liệu dân cư phục vụ định danh và xác thực điện tử, cắt giảm giấy tờ cá nhân như sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy, xác nhận cư trú: 17/25 TTHC.

¹⁷ Chi tổ chức thu, chi, phát triển và quản lý đối tượng; Chi hoạt động bộ máy; Chi UDCNTT; Chi đầu tư phát triển.

tiếp tục rà soát cắt giảm, tiết kiệm theo quy định chung, từ đó tác động trực tiếp đến cơ cấu tỷ lệ chi hoạt động bộ máy được giao, phải đề xuất điều chỉnh lại cơ cấu. Như vậy, việc quy định cụ thể mức trần đối với chi hoạt động bộ máy chưa phản ánh đúng thực tế việc sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn kinh phí, chưa tạo sự chủ động cho cơ quan BHXH trong quản lý, sử dụng nguồn kinh phí, phát sinh thủ tục hành chính, tăng thêm thời gian báo cáo, trình cấp có thẩm quyền trong trường hợp phải điều chỉnh các nội dung chi.

b) Về chi tổ chức và hoạt động BHTN

Chi tổ chức và hoạt động BHTN được xác định theo khối lượng công việc và giá dịch vụ tư vấn giới thiệu việc làm, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng quỹ BHTN do Bộ LĐTBXH ban hành. Trong khi chưa có giá dịch vụ tư vấn giới thiệu việc làm, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng quỹ BHTN, từ năm 2011 đến nay, chi tổ chức và hoạt động BHTN của ngành LĐTBXH được tính trên cơ sở 1.290 định suất lao động thực hiện BHTN và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên như đối với cơ quan BHXH.

Năm 2023, Bộ LĐTBXH đã ban hành đơn giá dịch vụ tư vấn, giới thiệu việc làm sử dụng từ nguồn quỹ BHTN (Quyết định số 1412/QĐ-LĐTBXH ngày 27/9/2023), chưa ban hành giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng quỹ BHTN. Do đó, chưa có cơ sở xác định đầy đủ chi tổ chức và hoạt động BHTN gắn với việc thực hiện nhiệm vụ (theo số lượng, khối lượng công việc, hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp, số người được giới thiệu việc làm và giá dịch vụ sự nghiệp công về BHTN, giá dịch vụ tư vấn, giới thiệu việc làm).

c) Về chi ứng dụng CNTT

Ứng dụng CNTT vào hoạt động quản lý và đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính (CCTHC), bên cạnh việc hỗ trợ cho công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ trong điều kiện tinh giản biên chế, một số nội dung chi có xu hướng giảm, song một số chi phí tiếp tục tăng như: Đầu tư ứng dụng CNTT về dung lượng và tốc độ đường truyền, nâng cấp phần mềm, hạ tầng theo hướng hiện đại; Cải cách TTHC giảm chi phí xã hội nhưng đối với ngành BHXH tăng chi phí cho công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra...

Giai đoạn 2022-2024, các dự án đã thực hiện chủ yếu là nâng cấp, duy trì, mở rộng hệ thống CNTT đã đầu tư giai đoạn trước nhằm đáp ứng yêu cầu tăng trưởng về nghiệp vụ và người dùng trong tương lai, chưa thực hiện được các hoạt động đầu tư mới.

d) Về chi đầu tư XD CB

- Tác động của đại dịch Covid-19 ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân dẫn đến phải hủy vốn đã bố trí cho các dự án trong năm 2021, 2022; đồng thời phải tăng vốn bố trí trong giai đoạn 2022-2024 dẫn đến phải cắt giảm và giãn tiến độ các dự án khác, làm thay đổi danh mục dự án tại Báo cáo số 62/BC-CP.

- Trong giai đoạn 2022-2024, chi đầu tư phát triển được bố trí trong tổng chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN là 4,5%, mới chỉ giải quyết được một phần nhu cầu về cải tạo, sửa chữa, đầu tư mới các trụ sở. Trong giai đoạn 2025-2027 và những năm tiếp theo vẫn cần tiếp tục quan tâm đầu tư cho các trụ sở BHXH cấp huyện do (i) còn nhiều trụ sở BHXH cấp huyện được đầu tư từ những ngày đầu thành lập ngành đã xuống cấp, thiếu nhiều diện tích (trên 20%

diện tích) so với tiêu chuẩn, định mức theo quy định; (ii) nhiều trụ sở phải di dời theo quy hoạch của địa phương và phải cải tạo, nâng cấp hoặc xây mới do thực hiện việc điều chỉnh địa giới hành chính của cấp có thẩm quyền; (iii) một số trụ sở có vị trí không thuận tiện cho việc giao dịch của người dân, doanh nghiệp. Đồng thời một số trụ sở làm việc cần phải tiếp tục cải tạo, nâng cấp nhằm đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, chuyển đổi số của Chính phủ.

d) Về chi cho công tác tuyên truyền chính sách BHXH, BHYT, BHTN

Nội dung này đã được quan tâm nhưng so với yêu cầu phát triển đối tượng đạt chỉ tiêu Nghị quyết số 28-NQ/TW còn thấp (6% chi nhiệm vụ chuyên môn), cần thiết phải được tăng cường hơn trong giai đoạn tới.

II. Đề xuất mức chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT giai đoạn 2025-2027

1. Cơ sở pháp luật triển khai chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT và phạm vi điều chỉnh về chi phí tổ chức và hoạt động giai đoạn 2025-2027

a) Cơ sở pháp luật

(1). Luật BHXH số 58/2014/QH13¹⁸; Luật BHXH số 41/2024/QH15¹⁹; Luật Việc làm (sửa đổi tại khoản 2 Điều 139 Luật BHXH số 41/2024/QH15)²⁰; Luật An toàn, vệ sinh lao động (sửa đổi tại điểm a, khoản 1 Điều 139 Luật BHXH số 41/2024/QH15)²¹; Luật Bảo hiểm y tế (BHYT) và Luật sửa đổi, bổ sung Luật BHYT²².

(2). Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg ngày 27/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý tài chính về BHXH, BHYT, BHTN và chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN; Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg ngày 31/12/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý tài chính về BHXH, BHYT, BHTN và chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN.

b) Phạm vi điều chỉnh về chi phí tổ chức và hoạt động giai đoạn 2025-2027

Theo các quy định nêu trên, Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội về chi phí tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT giai đoạn 2025-2027.

2. Căn cứ nhiệm vụ chính trị trọng tâm của ngành BHXH

¹⁸ Khoản 2 Điều 90 Luật BHXH năm 2014 quy định: Định kỳ 03 năm, Chính phủ báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định về mức chi phí quản lý BHXH.

¹⁹ Điều 120 Luật BHXH năm 2024 (có hiệu lực thi hành từ 01/7/2025) quy định về chi tổ chức và hoạt động BHXH tương đồng với quy định tại Điều 90 Luật BHXH năm 2014.

Khoản 1 Điều 16 Luật BHXH năm 2024 quy định: Cơ quan BHXH là cơ quan nhà nước có chức năng thực hiện chế độ, chính sách BHXH; quản lý và sử dụng các quỹ BHXH, BHTN, BHYT (như quy định tại Khoản 1 Điều 93 Luật BHXH năm 2014).

²⁰ Điểm e Khoản 3 Điều 57 Luật Việc làm: Chi phí quản lý (chi tổ chức và hoạt động) BHTN thực hiện theo quy định của Luật BHXH.

²¹ Khoản 7 Điều 42 Luật An toàn, vệ sinh lao động: Chi phí quản lý (chi tổ chức và hoạt động) bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thực hiện theo quy định của Luật BHXH

²² Khoản 1 Điều 35 Luật BHYT quy định 10% số tiền đóng BHYT dành cho quỹ dự phòng, chi phí quản lý quỹ BHYT, trong đó dành tối thiểu 5% số tiền đóng BHYT cho quỹ dự phòng và Khoản 5 giao Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.

a) Về phát triển đối tượng tham gia²³

Đến năm 2027 có 24,6 triệu người (51,1%) tham gia BHXH, tăng 22,7% so với năm 2024; 18,8 triệu người tham gia BHTN (39,1%), tăng 17,3% so với năm 2024; 99,3 triệu người tham gia BHYT, tăng 4,1% so với năm 2024, tỷ lệ bao phủ BHYT đạt 95,18% so với dân số.

b) Về quản lý người hưởng

Dự kiến đến hết năm 2027, BHXH Việt Nam quản lý khoảng 3,6 triệu người hưởng lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng (tăng 6,9% so với năm 2024); 1,15 triệu người hưởng trợ cấp thất nghiệp (tăng 22,5% so với năm 2024); 11,1 triệu lượt người hưởng chế độ trợ cấp ốm đau, thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe và BHXH một lần (tăng 17,8% so với năm 2024); thanh toán chi phí KCB BHYT cho khoảng 215,5 triệu lượt người (tăng 15,7% so với năm 2024).

c) Về công tác tổ chức thu, chi trả chế độ BHXH, BHYT, BHTN

Tập trung đầy đủ và kịp thời nguồn thu vào các quỹ; so với giai đoạn 2022-2024, dự kiến tổng số thu tiền đóng là 1.824 nghìn tỷ đồng, tăng 26,6%; tổng số chi trả các chế độ là 1.769 nghìn tỷ đồng, tăng 28,6%; tiếp tục đẩy mạnh chi trả thông qua tài khoản người hưởng.

d) Về hoạt động đầu tư quỹ

Tăng cường hiệu quả đầu tư theo nguyên tắc bảo đảm an toàn, hiệu quả và thu hồi được vốn đầu tư. Dự kiến số tiền sinh lời của hoạt động đầu tư giai đoạn 2025-2027 khoảng 156 nghìn tỷ đồng, tăng 6,7% so với giai đoạn 2022-2024.

đ) Về truyền thông, tuyên truyền

Tăng cường truyền thông, tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về BHXH, BHYT, BHTN theo hướng đổi mới toàn diện cả về nội dung, hình thức và phương pháp, tập trung trực tiếp vào đối tượng.

e) Về cải cách thủ tục hành chính

Tăng cường thực hiện giao dịch điện tử, cung cấp dịch vụ công trên công dịch vụ công, nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

g) Về ứng dụng CNTT, đầu tư xây dựng

Trên cơ sở mục tiêu đến năm 2025, 2030 và nhiệm vụ tại Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển ngành BHXH Việt Nam đến năm 2030.

h) Về thanh tra, kiểm tra, giám định

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát; tăng cường giám định chi trả BHYT.

3. Về tổ chức bộ máy, biên chế và tiền lương giai đoạn 2025-2027

a) Về tổ chức bộ máy, biên chế

Số biên chế viên chức của BHXH Việt Nam theo Quyết định số 73-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về biên chế của các bộ; cơ quan ngang bộ; cơ quan thuộc Chính phủ; tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính

²³ Số liệu người tham gia BHYT năm 2025 (97,4 triệu người), 2026 (98,4 triệu người), 2027 (99,3 triệu người) theo công văn số 4188/BHXH-TCKT ngày 15/11/2024 của BHXH Việt Nam (Mục II.1.1 - trang 6) thuyết minh ý kiến của Bộ Y tế tại công văn số 6403/BYT-BH ngày 17/11/2024.

phủ thành lập; cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài; các đơn vị sự nghiệp, hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương giai đoạn 2022-2026; (ii) số lao động hợp đồng hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ, cụ thể như sau:

Đơn vị: người.

Số biên chế	Đến hết ngày 31/12/2024 (Biên chế của năm 2025)	Đến hết ngày 31/12/2025 (Biên chế của năm 2026)	Đến hết ngày 31/12/2026 (Biên chế của năm 2027)
Biên chế công chức, số lượng người làm việc	17.122	16.901	15.617
LĐHD hỗ trợ, phục vụ ²⁴	2.655	2.655	2.655

b) Về tiền lương

- Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội, Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ²⁵. Trường hợp chính sách tiền lương có sự điều chỉnh thì BHXH Việt Nam và các cơ quan có liên quan thực hiện điều chỉnh chính sách tiền lương theo quy định của cấp có thẩm quyền.

- Đối với số lao động hợp đồng hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ (**2.655 người**): **bổ trí quỹ tiền lương từ chi thường xuyên theo định mức chi quản lý hành chính** quy định tại Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022.

4. Nguyên tắc bố trí chi tổ chức và hoạt động giai đoạn 2025-2027

(1). Mức chi tổ chức và hoạt động tính theo tỷ lệ trên số thu, chi BHXH (trừ số chi đóng BHYT cho người hưởng các chế độ BHXH), số thu, chi BHTN (không bao gồm số chi đóng BHYT cho người hưởng BHTN) và số thu BHYT theo quy định của Luật BHXH năm 2014, Luật BHXH năm 2024, Luật Việc làm và Luật BHYT.

(2). Chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHYT, BHTN xây dựng đầy đủ các nội dung chi đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Luật BHXH năm 2024, Luật Việc làm, Luật BHYT và gắn với sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế theo quy định, cụ thể: (2.1) Chi tuyên truyền, phổ biến, giải đáp, tư vấn chính sách, pháp luật về BHXH, BHTN, BHYT; chi tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về BHXH, BHTN, BHYT; (2.2) Chi cải cách hành chính BHXH, BHTN, BHYT; chi phục vụ công tác phát triển, quản lý người tham gia, người thụ hưởng các chế độ; (2.3) Chi đầu tư, nâng cấp, cải tạo, mở rộng, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, thuê, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ liên quan đến quản lý và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT; (2.4) Chi tổ

²⁴ Tăng 506 người so với giai đoạn 2022-2024

²⁵ Khoản 3 Điều 4: Mức tiền lương và thu nhập tăng thêm hằng tháng tính theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng theo cơ chế đặc thù từ ngày 01/7/2024 bảo đảm không vượt quá mức tiền lương và thu nhập tăng thêm được hưởng tháng 6/2024 (không bao gồm phần tiền lương và thu nhập tăng thêm do điều chỉnh hệ số tiền lương ngạch, bậc khi nâng ngạch, nâng bậc).

chức thu, chi trả các chế độ và hoạt động bộ máy của cơ quan BHXH các cấp, BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân, cơ quan giải quyết chế độ BHTN của ngành LĐTBXH và Hội đồng quản lý BHXH.

(3). Dự kiến chi tổ chức và hoạt động giai đoạn 2025-2027 tập trung bố trí kinh phí theo hướng: (3.1) Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số, nghiên cứu, phát triển hệ thống CNTT đạt các yêu cầu trong tình hình mới, tích hợp, liên thông, liên kết, xử lý tập trung; (3.2) Đa dạng hóa nội dung, hình thức và phương pháp tuyên truyền phát triển đối tượng tham gia theo Nghị quyết số 28-NQ/TW và Nghị quyết số 20-NQ/TW; (3.3) Tăng cường cải cách hành chính, ứng dụng CNTT trong việc quản lý người tham gia, người hưởng, tổ chức công tác thu, chi, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp; (3.4) Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra bảo đảm thu đúng, thu đủ tiền đóng theo chế độ; (3.5). Triệt để tiết kiệm đặc biệt là các khoản chi thường xuyên không thiết yếu.

5. Về số thu, chi BHXH, BHTN và số thu BHYT dự kiến giai đoạn 2025-2027 làm cơ sở xác định chi phí tổ chức và hoạt động

a) Chỉ tiêu phát triển người người tham gia BHXH, BHTN, BHYT

- Đối với BHXH: năm 2025 tăng 6,52% so với năm 2024, năm 2026 tăng 7,54% so với năm 2025, năm 2027 tăng 7,13% so với năm 2026;

- Đối với BHTN: năm 2025 tăng 3,56% so với năm 2024, năm 2026 tăng 6,6% so với năm 2025, năm 2027 tăng 6,28% so với năm 2026;

- Đối với BHYT: năm 2025 tăng 2,09% so với năm 2024, năm 2026 tăng 0,98% so với năm 2025, năm 2027 tăng 0,98% so với năm 2026.

b) Dự kiến số thu, chi BHXH, BHTN, BHYT

Trên cơ sở chỉ tiêu phát triển người tham gia và mức đóng BHXH, BHYT, BHTN theo quy định của pháp luật, dự kiến số thu, chi BHXH (trừ số chi đóng BHYT cho người hưởng các chế độ BHXH), số thu, chi BHTN (không bao gồm số chi đóng BHYT cho người hưởng BHTN) và số thu BHYT theo quy định của pháp luật giai đoạn 2025-2027 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027
I	Số thu	583.903.073	607.683.848	632.102.285
1	Bảo hiểm xã hội	391.251.406	409.625.967	428.643.236
2	Bảo hiểm thất nghiệp	25.751.486	27.048.275	28.350.322
3	Bảo hiểm y tế	166.900.181	171.009.606	175.108.727
II	Số chi	341.064.823	355.208.749	369.861.991
1	Bảo hiểm xã hội	315.335.567	327.682.146	340.411.378
2	Bảo hiểm thất nghiệp	25.729.256	27.526.603	29.449.613

6. Nhu cầu chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT giai đoạn 2025-2027 - Chi tiết theo Phụ lục III, Phụ lục IV, Phụ lục V (kèm theo)

Trên cơ sở các căn cứ, nguyên tắc và số thu, chi BHXH, BHTN, số thu BHYT dự kiến giai đoạn 2025-2027 làm cơ sở xác định chi phí tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT như nêu trên;

Chính phủ dự kiến nhu cầu chi cho từng nội dung cụ thể cho tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT giai đoạn 2025-2027. Theo đó:

(1). Các nội dung chi năm 2025 và giai đoạn 2025-2027 **tăng thực tế** so

với năm 2024 và giai đoạn 2022-2024 do thay đổi chính sách của nhà nước, hoặc theo thực tế phát sinh:

- Tăng tiền lương, các khoản phụ cấp; các khoản đóng góp theo quy định của Nhà nước mức 30% so với năm 2024 **do tăng lương cơ sở** năm 2025 (mức 2.340.000 đồng) thêm 30% so với năm 2024 (mức 1.800.000 đồng);

- Tăng chi quản lý hành chính do thay đổi phương pháp xác định nhu cầu chi theo định mức do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

- Tăng chi thực hiện tinh giản biên chế do tính theo thực tế tinh giản biên chế hàng năm (giai đoạn 2025-2027 tăng số lượng tinh giản biên chế so với giai đoạn 2022-2024);

- Tăng chi mua sắm trang thiết bị, phương tiện làm việc theo thực tế.

- **Tăng chi do tăng** đối tượng người tham gia, thụ hưởng chế độ BHXH, BHYT, BHTN và tổ chức thu, chi, quản lý quỹ BHXH, BHYT, BHTN: **tăng** chi tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật; **tăng** chi công tác quản lý người tham gia, người thụ hưởng BHXH, BHTN, BHYT; **tăng** chi chức thu, chi, quản lý quỹ BHXH, BHYT, BHTN; **tăng** chi công tác thanh tra;

- Tăng chi đầu tư XDCB để hoàn thành các dự án đã phê duyệt, trong đó có những nhiệm vụ **chưa thực hiện được** trong những năm 2022-2023 do ảnh hưởng của dịch covid.

(2). Các nội dung chi năm 2025 và giai đoạn 2025-2027 **cơ bản giữ tương đương** so với năm 2024 và giai đoạn 2022-2024 do giữ nguyên nhiệm vụ chuyên môn: Chi nghiên cứu khoa học; Chi đào tạo, đào tạo lại theo chương trình của Nhà nước; Chi hoạt động của HĐQT BHXH.

(3). Các nội dung chi năm 2025 và giai đoạn 2025-2027 **giảm** so với năm 2024 và giai đoạn 2022-2024 do giai đoạn 2022-2024 đã hoàn thành một số nhiệm vụ chuyên môn, giai đoạn 2025-2027 chỉ phải thực hiện số nhiệm vụ chuyên môn ít hơn giai đoạn 2022-2024:

- **Giảm** chi sửa chữa trang thiết bị, phương tiện, kho lưu trữ, giao dịch, làm việc do giảm chi thuê trụ sở (trụ sở mới được xây dựng hoàn thiện, đồng bộ), do tăng chi mua sắm mới trang thiết bị dẫn đến giảm sửa chữa.

- **Giảm** chi thuê trụ sở làm việc do nhiều trụ sở làm việc đã được xây dựng mới hoàn thiện đưa vào sử dụng thay cho việc đi thuê;

- **Giảm** chi tập huấn bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ (bình quân **giảm 10%/năm**);

- **Giảm** chi cải cách thủ tục hành chính, các chi phí phục vụ người tham gia, người thụ hưởng và tổ chức thu, chi các chế độ do hiệu quả của đầu tư UDCNTT giai đoạn trước đem lại: **giảm** chi giao nhận hồ sơ tham gia và giải quyết chế độ chính sách BHXH (10%/năm); **giảm** chi áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2015 (10%/năm); **giảm** chi làm sổ BHXH, thẻ BHYT (10%/năm); giảm chi bảo quản lưu trữ, chỉnh lý hồ sơ (15,2%/năm); giảm chi rà soát, bàn giao sổ BHXH cho người lao động (10%/năm); giảm chi hoàn thiện cấp mã số BHXH, chi in thông báo kết quả đóng BHXH đến người lao động theo quy định của Luật BHXH năm 2014 (15%/năm); giảm 11,5% chi trả thuê bao đường truyền so với năm 2024 do sắp xếp tổ chức bộ máy và ổn định trong giai đoạn 2025-2027 dẫn đến giảm số

lượng đường truyền tại các đơn vị.

- **Giảm** chi CNTT do đã hoàn thành nhiều nhiệm vụ trong các giai đoạn trước.

Chính phủ đề xuất nhu cầu chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHYT, BHTN giai đoạn 2025-2027 là **48.855.282 triệu đồng**, bình quân 16.285.094 triệu đồng/năm (tăng bình quân 3.708.286 triệu đồng/năm, tương ứng tăng 29,49% so với bình quân giai đoạn 2022-2024), trong đó: năm 2025 là 15.990.265 triệu đồng (tăng 2.084.461 triệu đồng so với năm 2024); năm 2026 là 16.301.217 triệu đồng (tăng 310.952 triệu đồng so với năm 2025); năm 2027 là 16.563.800 triệu đồng (tăng 262.583 triệu đồng so với năm 2026).

7. Tổng hợp chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHYT, BHTN giai đoạn 2025 - 2027

7.1. Dự kiến chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHYT, BHTN giai đoạn 2025-2027 phân theo nội dung

Đơn vị tính: triệu đồng

S T T	Nội dung chi	Dự kiến giai đoạn 2025-2027			
		Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Tổng
I	CHI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG BHXH, BHTN, BHYT	15.990.265	16.301.217	16.563.800	48.855.282
1	Chi hoạt động bộ máy của BHXH Việt Nam, BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân và các đơn vị được giao thực hiện chính sách BHTN, TNLĐ-BNN thuộc Bộ LĐTBXH	5.757.582	5.867.747	5.517.151	17.142.480
2	Chi phục vụ đối tượng tham gia, thụ hưởng chế độ BHXH, BHTN, BHYT và tổ chức thu, chi, quản lý quỹ BHXH, BHTN, BHYT	8.877.982	9.399.392	9.848.679	28.126.053
3	Chi ứng dụng CNTT và đầu tư phát triển	1.354.701	1.034.078	1.197.970	3.586.749
	<i>Chi ứng dụng CNTT</i>	<i>644.701</i>	<i>464.078</i>	<i>677.970</i>	<i>1.786.749</i>
	<i>Chi đầu tư phát triển</i>	<i>710.000</i>	<i>570.000</i>	<i>520.000</i>	<i>1.800.000</i>

7.2. Dự kiến chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHYT, BHTN phân theo các quỹ

Đơn vị tính: triệu đồng

S T T	Nội dung	Dự kiến giai đoạn 2025-2027			
		Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Bình quân giai đoạn
I	Tổng chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHYT, BHTN	15.990.265	16.301.217	16.563.800	16.285.094
1	Chi tổ chức và hoạt động BHXH	10.050.702	10.257.751	10.422.172	10.243.542
2	Chi tổ chức và hoạt động BHTN	732.277	759.269	783.301	758.282
3	Chi tổ chức và hoạt động BHYT	5.207.286	5.284.197	5.358.327	5.283.270

7.3. Mức chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHYT, BHTN²⁶

²⁶ Mức chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN năm 2025 là 1,42%, cao hơn 0,07% so với tỷ lệ thực trích năm 2024 do thay đổi chính sách của nhà nước (tăng lương cơ sở, tăng lương tối thiểu và bổ

Đơn vị tính: %.

I	Mức chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHYT, BHTN	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Bình quân giai đoạn
1	Mức chi tổ chức và hoạt động BHXH	1,42%	1,39%	1,36%	1,39%
2	Mức chi tổ chức và hoạt động BHTN	1,42%	1,39%	1,36%	1,39%
3	Mức chi tổ chức và hoạt động BHYT	3,12%	3,09%	3,06%	3,09%

Mức chi tổ chức và hoạt động theo tỷ lệ trích trên dự toán thu, chi BHXH, BHTN và dự toán thu BHYT, đảm bảo nguyên tắc triệt để tiết kiệm, đặc biệt là các khoản chi thường xuyên không thiết yếu, không hiệu quả. Mức chi tổ chức và hoạt động được tính cụ thể cho từng năm, giảm dần và bình quân thấp hơn giai đoạn 2022-2024. Trên nguyên tắc và cơ sở xác định nhu cầu chi nêu trên, mức chi tổ chức và hoạt động như sau:

- Mức chi tổ chức và hoạt động BHXH năm 2025 bằng 1,42%; năm 2026 bằng 1,39%; năm 2027 bằng 1,36% dự toán thu, chi BHXH (trừ số chi đóng BHYT cho người hưởng BHXH). Bình quân giai đoạn bằng 1,39% tính trên dự toán thu, chi BHXH, giảm 0,15% so với tỷ lệ được trích bình quân, giảm 0,01% so với tỷ lệ thực trích bình quân giai đoạn 2022-2024.

- Mức chi tổ chức và hoạt động BHTN năm 2025 bằng 1,42%; năm 2026 bằng 1,39%; năm 2027 bằng 1,36% dự toán thu, chi BHTN (trừ số chi đóng BHYT cho người hưởng BHTN). Bình quân giai đoạn bằng 1,39% tính trên dự toán thu, chi BHTN, giảm 0,15% so với tỷ lệ được trích bình quân, giảm 0,01% so với tỷ lệ thực trích bình quân giai đoạn 2022-2024.

- Mức chi tổ chức và hoạt động BHYT năm 2025 bằng 3,12%; năm 2026 bằng 3,09%; năm 2027 bằng 3,06% dự toán thu BHYT. Bình quân giai đoạn bằng 3,09% tính trên dự toán thu BHYT, giảm 0,41% so với tỷ lệ được trích bình quân, giảm 0,09% so với tỷ lệ thực trích bình quân giai đoạn 2022-2024.

Trường hợp số thu, chi BHXH, BHTN, thu tiền đóng BHYT trong năm đạt hoặc vượt dự toán, mức chi tổ chức và hoạt động theo tỷ lệ nêu trên, thì kinh phí được trích theo số dự toán thu, chi BHXH, BHTN, dự toán thu BHYT. Trường hợp số thu, chi BHXH, BHTN, số thu BHYT trong năm không đạt dự toán, kinh phí được trích theo tỷ lệ nêu trên trên số thực thu, thực chi BHXH, BHTN; số thực thu BHYT.

III. Ý kiến Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Thống nhất về nguyên tắc bố trí chi tổ chức và hoạt động cho giai đoạn 2025-2027 theo nguyên tắc nêu tại Mục II Tờ trình.

2. Mức chi tổ chức và hoạt động theo Mục II.7 Tờ trình; trong đó: mức chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT năm 2025 là 15.990.265 triệu đồng, gồm:

sung nội dung chi theo Luật BHXH năm 2024,...) và số người tham gia, người thụ hưởng, số thu, chi BHXH, BHTN, BHYT năm 2025 tăng so với năm 2024 (chi tiết đã báo cáo tại Mục II.6.1).

- Chi hoạt động bộ máy của BHXH Việt Nam, BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân và các đơn vị được giao thực hiện chính sách BHTN, TNLĐ-BNN thuộc Bộ LĐTBXH: 5.757.582 triệu đồng;

- Chi phục vụ đối tượng tham gia, thụ hưởng chế độ BHXH, BHTN, BHYT và tổ chức thu, chi, quản lý quỹ BHXH, BHTN, BHYT: 8.877.982 triệu đồng;

- Chi ứng dụng CNTT và đầu tư phát triển: 1.354.701 triệu đồng (*Chi ứng dụng CNTT: 644.701 triệu đồng; Chi đầu tư phát triển: 710.000 triệu đồng*).

Phân chia chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT năm 2025 theo các quỹ thành phần:

- Chi tổ chức và hoạt động BHXH: 10.050.702 triệu đồng, chiếm 1,42% dự toán thu, chi BHXH (*trừ số chi đóng BHYT cho người hưởng BHXH*);

- Chi tổ chức và hoạt động BHTN: 732.277 triệu đồng, chiếm 1,42% dự toán thu, chi BHTN (*trừ số chi đóng BHYT cho người hưởng BHTN*);

- Chi tổ chức và hoạt động BHYT: 5.207.286 triệu đồng, chiếm 3,12% tiền đóng BHYT, được trích từ quỹ BHYT.

3. Giao Thủ tướng Chính phủ căn cứ Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Luật BHYT quyết định mức chi phí quản lý BHYT theo tỷ lệ % trên dự toán thu BHYT theo quy định của Luật BHYT và giao dự toán hàng năm chi phí quản lý BHXH, BHTN, BHYT.

4. Do hiện nay đang có chủ trương đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong đó có BHXH Việt Nam, hệ thống các đơn vị làm công tác BHTN thuộc Bộ LĐTBXH..., Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, phê duyệt mức chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT của năm 2025 như nêu tại Mục III.2.

Sau khi có kết quả thực hiện đổi mới, sắp xếp bộ máy của BHXH Việt Nam, Chính phủ báo cáo cấp có thẩm quyền về chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT giai đoạn 2025-2027 (bao gồm năm 2025) để đảm bảo phù hợp với thực tế.

Chính phủ trân trọng báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên (60b);
- TTgCP; các PTTg;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Xã hội của Quốc hội;
- Các Bộ: Tài chính, LĐTBXH, Y tế, Nội vụ, KH&ĐT, Quốc phòng, Công an, Tư pháp;
- BHXH Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP; Vụ KGVX;
- Lưu: VT, KTTH (160b).

TM. CHÍNH PHỦ
TUQ. THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Nguyễn Văn Thắng

Nghị quyết số: /2024/UBTVQH15

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp
năm 2025

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 35/2018/QH14 và Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15;

Căn cứ Luật Việc làm số 38/2013/QH13;

Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13;

Sau khi xem xét Báo cáo số /BC-CP ngày /12/2024 của Chính phủ; Báo cáo thẩm tra số /BC-UBXH15 ngày /12/2024 của Ủy ban Xã hội của Quốc hội về tình hình thực hiện chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp giai đoạn 2022 - 2024 và đề xuất mức chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp giai đoạn 2025 - 2027;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp năm 2025

1. Mức chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội (bao gồm bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp), bảo hiểm thất nghiệp năm 2025 như sau:

a) Mức chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội năm 2025 tối đa 1,42% dự toán thu, chi bảo hiểm xã hội (trừ số chi đóng bảo hiểm y tế cho người hưởng bảo hiểm xã hội) được trích từ tiền sinh lời của hoạt động đầu tư từ quỹ bảo hiểm xã hội;

b) Mức chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm thất nghiệp năm 2025 tối đa 1,42% dự toán thu, chi bảo hiểm thất nghiệp (trừ số chi đóng bảo hiểm y tế cho người hưởng bảo hiểm thất nghiệp) được trích từ quỹ bảo hiểm thất nghiệp;

c) Trường hợp thực hiện thu, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp trong năm không đạt dự toán, mức tổ chức và hoạt động quy định tại điểm a và điểm b khoản này tính trên số thực thu, thực chi; trường hợp thực hiện thu, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp trong năm vượt dự toán, chi phí quản lý thực hiện theo dự toán đã được giao.

d) Sau khi có kết quả thực hiện đổi mới, sắp xếp bộ máy của BHXH Việt Nam, Chính phủ báo cáo cấp có thẩm quyền về chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN, BHYT giai đoạn 2025-2027 (bao gồm năm 2025) để đảm bảo phù hợp với thực tế.

2. Mức chi tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc trong các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam, người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong tổ chức Bảo hiểm xã hội Bộ Quốc phòng, Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân, người lao động thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp của ngành lao động - thương binh và xã hội thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội và các văn bản có liên quan của cấp có thẩm quyền.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Thủ tướng Chính phủ:

a) Quy định việc giao dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp được trích theo quy định tại Điều 1 của Nghị quyết này phù hợp với quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, pháp luật về đầu tư công và các quy định pháp luật khác có liên quan. Chỉ đạo các cơ quan có liên quan rà soát, tiết kiệm, cắt giảm những nhiệm vụ chi chưa thực sự cần thiết trong quá trình xây dựng dự toán, thực hiện dự toán chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp;

b) Chỉ đạo các cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện dự toán, quyết toán chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp;

c) Chỉ đạo Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các cơ quan sử dụng chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp đúng quy định, hiệu quả, triệt để tiết kiệm gắn với kết quả phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; cải cách thủ tục hành chính và nâng cao chất lượng phục vụ, bảo đảm thuận lợi đối với cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và người dân; sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế tinh gọn, phù hợp với nhiệm vụ được giao; hoàn thiện Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm bảo đảm sẵn sàng kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, các cơ sở dữ liệu quốc gia khác, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương theo quy định của pháp luật để nâng cao hiệu quả quản lý, thực thi chính sách; kịp thời ngăn chặn việc trốn đóng, gian lận, trục lợi chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và gắn với việc thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội.

2. Ủy ban Xã hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban khác của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Kiểm toán nhà nước, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, hằng năm thực hiện kiểm toán việc giao dự toán, quản lý, sử dụng,

quyết toán chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và báo cáo kết quả kiểm toán với Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.

Nghị quyết này được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua tại Phiên họp thứ __, ngày tháng 12 năm 2024.

**TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH**

Trần Thanh Mẫn

Hà Nội, ngày 06 tháng 12 năm 2024

**Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý
của cơ quan, tổ chức, cá nhân về đề nghị xây dựng dự thảo Nghị quyết
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội
(BHXH), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) năm 2025**

1. Căn cứ xây dựng Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân lấy ý kiến

- Tổng số cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi xin ý kiến: Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội (LĐTBXH), Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (KH&ĐT), Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam;

- Tổng số ý kiến nhận được: tất cả (06) các cơ quan gửi xin ý kiến.

Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, Bộ Tài chính đã tổng hợp đầy đủ các ý kiến góp ý và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý như sau:

1. Nội dung tiếp thu ý kiến của các cơ quan

- Bộ Tài chính đã tiếp thu ý kiến của Bộ KH&ĐT (điểm 2.1 công văn số 8838/BKHĐT-LĐVX ngày 25/10/2024), Bộ Y tế (điểm 2 công văn số 6403/BYT-BH ngày 17/10/2024), BHXH Việt Nam (toàn bộ ý kiến tại công văn số 3708/BHXH-TCKT ngày 15/10/2024) đối với những nội dung thuộc phạm vi chuyên môn của Bộ Tài chính để hoàn thiện Báo cáo.

- Bộ Tài chính tổng hợp ý kiến của BHXH Việt Nam tại công văn số 4188/BHXH-TCKT ngày 15/11/2024 (Mục II.1.1 - trang 6) thuyết minh ý kiến của Bộ Y tế tại nội dung gạch đầu dòng (-) thứ 1 điểm 3 công văn số 6403/BYT-BH ngày 17/11/2024 về số liệu người tham gia BHYT. Theo đó, số liệu này được cập nhật theo báo cáo của BHXH Việt Nam và thể hiện tại Mục II.2.a của Báo cáo này (Chi tiết tại Chú thích số 35): năm 2025 (97,4 triệu người), 2026 (98,4 triệu người), 2027 (99,3 triệu người).

- Bộ Tài chính tổng hợp ý kiến của BHXH Việt Nam tại công văn số 4188/BHXH-TCKT ngày 15/11/2024 (Mục II.2.1 - trang 8) thuyết minh ý kiến của Bộ KH&ĐT tại nội dung điểm 1.1 công văn số 8838/BKHĐT-LĐVX ngày 25/10/2024 đối với số liệu về thực hiện chi đầu tư phát triển. Theo đó, số liệu đã được cập nhật theo báo cáo của BHXH Việt Nam và thể hiện tại Phụ lục II, Chú thích 18 của Báo cáo này.

- Bộ Tài chính tổng hợp ý kiến của BHXH Việt Nam tại công văn số 4188/BHXH-TCKT ngày 15/11/2024 (Mục II.2.2 - trang 8) thuyết minh ý kiến của Bộ KH&ĐT tại nội dung điểm 2 công văn số 8838/BKHĐT-LĐVX ngày 25/10/2024 đối với nội dung về đề xuất chi đầu tư phát triển giai đoạn 2025-2027 – nội dung tiếp thu thể hiện tại Mục III.2.2 Phụ lục IV của Báo cáo này.

2. Nội dung không tiếp thu ý kiến của các cơ quan

(1). Ý kiến Bộ Y tế (điểm 1 công văn số 6403/BYT-BH ngày 17/10/2024) đề nghị tiếp tục sử dụng cụm từ “chi phí quản lý **quỹ BHYT**” để bảo đảm thực hiện đúng quy định của Luật BHYT “10% số tiền đóng BHYT dành cho quỹ dự phòng, chi phí quản lý quỹ BHYT” (điểm b khoản 1 Điều 35).

Ý kiến Bộ Tài chính:

Bộ Tài chính đề xuất dùng cụm từ “chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHYT” **như đã quy định** tại Quyết định số 19/2022/QĐ-TTg ngày 22/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ như đã báo cáo tại “Ghi chú 1” (trang 1 Báo cáo): Luật BHXH số 58/2014/QH13, Luật Việc làm số 38/2013/QH13, Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 quy định là “chi phí quản lý”; Luật BHXH số 41/2024/QH15 (có hiệu lực thi hành từ 01/7/2025) quy định là “chi tổ chức và hoạt động”. Do vậy, trong Báo cáo này sử dụng thuật ngữ “chi tổ chức và hoạt động” cho giai đoạn 2025-2027.

(2). Ý kiến Bộ Y tế (nội dung gạch đầu dòng (-) thứ 2 điểm 3 công văn số 6403/BYT-BH ngày 17/10/2024) đề nghị xem xét việc đề xuất mức tiền lương của cán bộ, viên chức, người lao động ngành BHXH phù hợp để bảo đảm công bằng với các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ở các cơ quan quản lý, tổ chức thực hiện chính sách khác.

Ý kiến Bộ Tài chính:

Nội dung này, Bộ Tài chính đã tổng hợp ý kiến của BHXH Việt Nam và báo cáo tại Mục II.3.b Báo cáo:

Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội, Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ (*Khoản 3 Điều 4 Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024: Mức tiền lương và thu nhập tăng thêm hằng tháng tính theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng/tháng theo cơ chế đặc thù từ ngày 01/7/2024 bảo đảm không vượt quá mức tiền lương và thu nhập tăng thêm được hưởng tháng 6/2024 (không bao gồm phần tiền lương và thu nhập tăng thêm do điều chỉnh hệ số tiền lương ngạch, bậc khi nâng ngạch, nâng bậc)*). Trường hợp chính sách tiền lương có sự điều chỉnh thì BHXH Việt Nam và các cơ quan có liên quan thực hiện điều chỉnh chính sách tiền lương theo quy định của cấp có thẩm quyền.

(3). Ý kiến Bộ Y tế (điểm 4 công văn số 6403/BYT-BH ngày 17/10/2024): Hiện nay, mức chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHYT được BHXH Việt Nam đề xuất trên cơ sở các nhiệm vụ quản lý quỹ BHXH, BHYT, BHYT và được trích theo tỷ lệ nhất định từ các quỹ. Đề nghị Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ giao BHXH Việt Nam hạch toán riêng các khoản chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHYT làm cơ sở để đánh giá được hiệu quả của việc thực hiện chi phí quản lý của từng quỹ.

Bộ Tài chính tổng hợp ý kiến thuyết minh của BHXH Việt Nam tại công văn số 4188/BHXH-TCKT ngày 15/11/2024 như sau:

- Điều 93 Luật BHXH 2014 quy định cơ quan BHXH là cơ quan nhà nước có chức năng thực hiện chế độ, chính sách BHXH, quản lý và sử dụng các quỹ BHXH, BHYT, BHYT. Theo đó, chi phí quản lý quỹ của BHXH Việt Nam gồm chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHYT.

- Nội dung và mức chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN được thực hiện theo Điều 9 Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg ngày 27/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định cơ chế quản lý tài chính về BHXH, BHYT, BHTN và chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN, trong đó các nhiệm vụ chi không bố trí riêng cho từng lĩnh vực mà bố trí chung trong tổng số kinh phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN. Do vậy, không thể tách số chi cụ thể của từng nhiệm vụ chi quản lý quỹ BHXH, chi quản lý quỹ BHYT, chi quản lý quỹ BHTN.

Đồng thời, BHXH Việt Nam sử dụng bộ máy để quản lý cả thu, chi BHXH, BHYT và BHTN, trong đó hầu hết các vị trí việc làm trong hệ thống phải đảm nhiệm công việc theo quy trình quản lý thu - chi BHXH, BHYT, BHTN chứ không theo từng lĩnh vực (ví dụ: cán bộ truyền thông và phát triển đối tượng hoặc cán bộ thu cùng lúc cả 3 đối tượng BHXH, BHYT, BHTN; vị trí việc làm gián tiếp phục vụ quy trình nghiệp vụ chung của cả 3 quỹ). Hiệu quả sử dụng chi phí quản lý quỹ BHXH, BHYT, BHTN gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của ngành. Do vậy, việc tách các khoản chi phí quản lý chính xác theo từng quỹ thành phần là không khả thi.

Hà Nội, ngày 06 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO

Về rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) năm 2025

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Tài chính đã tiến hành rà soát, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN năm 2025. Kết quả rà soát như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN RÀ SOÁT

1. Mục đích, yêu cầu rà soát

Ban hành Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN năm 2025.

2. Phạm vi, nội dung, đối tượng rà soát

a) Phạm vi rà soát là các văn bản quy phạm pháp luật đang còn hiệu lực, các văn bản chỉ đạo liên quan đến các nội dung quy định trong dự thảo Nghị quyết.

b) Rà soát, đối chiếu các nội dung quy định trong dự thảo Nghị quyết và các văn bản pháp luật có liên quan đến các nội dung quy định tại dự thảo Nghị quyết để đảm bảo tuân thủ quy định của Luật BHXH, Luật Việc làm, Luật Bảo hiểm y tế, Luật An toàn, vệ sinh lao động và các quy định của pháp luật có liên quan để khắc phục những tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết số Nghị quyết số 06/2021/UBTVQH15 ngày 09/12/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về chi phí quản lý bảo BHXH, BHTN giai đoạn 2022 – 2024, bổ sung những quy định mới phù hợp với yêu cầu triển khai thi hành, quản lý nhà nước và đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT

1. Kết quả chung

Tổng số văn bản quy phạm pháp luật được rà soát liên quan đến nội dung dự thảo Nghị quyết:

Qua rà soát đã xác định được có 08 văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Nghị quyết, bao gồm các văn bản sau (05 Luật, 02 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 01 Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

2. Kết quả cụ thể

Trên cơ sở hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến việc xây dựng dự thảo Nghị quyết Ủy ban Thường vụ Quốc hội về chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN năm 2025 về cơ bản các nội dung mới tại dự thảo Nghị quyết đã phù hợp các quy định pháp luật hiện hành:

(1). Khoản 2 Điều 90 Luật BHXH năm 2014 quy định: Định kỳ 03 năm, Chính phủ báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định về mức chi phí quản lý BHXH – quy định này điều chỉnh tương ứng cho giai đoạn tháng 1-6/2025.

Khoản 2 Điều 90 Luật BHXH năm 2014 quy định

“1. Chi phí quản lý bảo hiểm xã hội được sử dụng để thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội; tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về bảo hiểm xã hội;

b) Cải cách thủ tục bảo hiểm xã hội, hiện đại hóa hệ thống quản lý; phát triển, quản lý người tham gia, người thụ hưởng bảo hiểm xã hội;

c) Tổ chức thu, chi trả bảo hiểm xã hội và hoạt động bộ máy của cơ quan bảo hiểm xã hội các cấp.”.

(2). Khoản 3 Điều 120 Luật BHXH năm 2024 (có hiệu lực thi hành từ 01/7/2025) quy định: Định kỳ 03 năm, Chính phủ báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định về mức chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội – quy định này điều chỉnh tương ứng cho giai đoạn tháng 7-12/2025.

Khoản 1 Điều 120 Luật BHXH năm 2024 (có hiệu lực thi hành từ 01/7/2025) quy định:

“1. Chi tổ chức và hoạt động BHXH được sử dụng để thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Tuyên truyền, phổ biến, giải đáp, tư vấn chính sách, pháp luật về BHXH; tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về BHXH;

b) Cải cách hành chính BHXH; phát triển, quản lý người tham gia, người thụ hưởng chế độ BHXH;

c) Đầu tư, nâng cấp, cải tạo, mở rộng, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, thuê, mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ liên quan đến quản lý và hoạt động BHXH;

d) Tổ chức thu, chi trả bảo hiểm xã hội và hoạt động bộ máy của cơ quan bảo hiểm xã hội các cấp, Hội đồng quản lý BHXH.

2. Mức chi tổ chức và hoạt động BHXH được tính trên cơ sở số phần trăm của dự toán thu, chi BHXH, không bao gồm số chi đóng bảo hiểm y tế cho người hưởng các chế độ BHXH và được trích từ tiền sinh lời của hoạt động đầu tư quỹ BHXH: 120 Luật BHXH năm 2024 (có hiệu lực thi hành từ 01/7/2025) quy định”.

(3). Khoản 1 Điều 16 Luật BHXH năm 2024 quy định: Cơ quan BHXH là cơ quan nhà nước có chức năng thực hiện chế độ, chính sách BHXH; quản lý và sử dụng các quỹ BHXH, BHTN, BHYT (như quy định tại Khoản 1 Điều 93 Luật BHXH năm 2014).

(4). Điểm e Khoản 3 Điều 57 Luật Việc làm: Chi phí quản lý (chi tổ chức và hoạt động) BHTN thực hiện theo quy định của Luật BHXH.

(5). Khoản 7 Điều 42 Luật An toàn, vệ sinh lao động: Chi phí quản lý (chi tổ chức và hoạt động) bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thực hiện theo quy định của Luật BHXH

(6). Khoản 1 Điều 35 Luật BHYT quy định 10% số tiền đóng BHYT dành cho quỹ dự phòng, chi phí quản lý quỹ BHYT, trong đó dành tối thiểu 5%

số tiền đóng BHYT cho quỹ dự phòng và Khoản 5 giao Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này.

(7). Nội dung đề xuất mức chi tổ chức và hoạt động BHXH, BHTN được xây dựng trên cơ sở quy định về về định mức chi, nội dung chi của Luật NSNN, Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg ngày 27/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý tài chính về BHXH, BHYT, BHTN và chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN; Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg ngày 31/12/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý tài chính về BHXH, BHYT, BHTN và chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN.

Hà Nội, ngày 06 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO

Đánh giá tác động của dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) năm 2025

1. Tác động đối với hệ thống pháp luật

- Dự thảo Nghị quyết bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất với hệ thống pháp luật vì bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan, gồm: Luật BHXH số 58/2014/QH14, Luật BHXH số 41/2024/QH15, Luật Việc làm, Luật An toàn, vệ sinh lao động, Luật BHYT, Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg ngày 27/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý tài chính về BHXH, BHYT, BHTN và chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN; Quyết định số 38/2019/QĐ-TTg ngày 31/12/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 60/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế quản lý tài chính về BHXH, BHYT, BHTN và chi phí quản lý BHXH, BHYT, BHTN – chi tiết thể hiện tại Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) năm 2025.

- Dự thảo Nghị quyết không có nội dung liên quan đến các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

2. Tác động về kinh tế - xã hội

- Dự thảo Nghị quyết là cơ sở để tổ chức thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của hệ thống các cơ quan của BHXH Việt Nam, BHXH Bộ Quốc phòng, BHXH Công an nhân dân và bộ phận làm công tác quản lý nhà nước về bảo hiểm thất nghiệp thuộc Bộ LĐTBHX;

- Dự thảo Nghị quyết là cơ sở để trực tiếp, gián tiếp thúc đẩy, hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, cơ quan nhà nước các cấp (thông qua thực hiện nhiệm vụ chuyên môn về BHXH, BHTN);

- Dự thảo Nghị quyết là cơ sở để triển khai tất cả các hoạt động của nhà nước trên tất cả các mặt của hoạt động kinh tế - xã hội: việc làm, dân tộc, tôn giáo, văn hóa, y tế, giáo dục, môi trường; quốc phòng, an ninh;

3. Tác động về giới (nếu có)

Dự thảo Nghị quyết không có nội dung liên quan đến vấn đề giới.

4. Tác động của thủ tục hành chính (nếu có)

Dự thảo Nghị quyết không có nội dung liên quan đến thủ tục hành chính.